

QUYỀN CON NGƯỜI GẮN VỚI QUYỀN DÂN TỘC - QUAN ĐIỂM NHẤT QUÁN TRONG BA BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ VÂN ^(*)

Quyền con người, một mặt là kết tinh các giá trị nhân văn của nhân loại, mặt khác là sản phẩm mang tính lịch sử, gắn liền với truyền thống lịch sử, văn hóa, hoàn cảnh địa lí, chế độ chính trị và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Nhân quyền có tính phổ quát trên thế giới về những quyền cơ bản nhất, nhưng ở các quốc gia khác nhau với những sự khác biệt về chế độ chính trị, trình độ phát triển, lịch sử văn hóa nên vẫn có sự khác biệt về quan điểm tiếp cận và cách vận dụng cho phù hợp với thực tiễn của quốc gia đó. Ở nước ta, quan điểm về các quyền và tự do cơ bản của con người được hình thành và phát triển cùng với quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc và việc thực hiện, bảo vệ quyền con người cũng gắn với những trình độ phát triển khác nhau của đất nước qua các thời kỳ lịch sử.

Đặc điểm lịch sử nổi bật nhất của dân tộc Việt Nam là trong suốt mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước dân tộc ta thường xuyên phải đương đầu với các cuộc đấu tranh chống thiên tai và chống giặc ngoại xâm. Chính những cuộc đấu tranh ấy đã tạo nên sự gắn bó chặt chẽ giữa cá nhân mỗi con người Việt Nam với toàn thể cộng đồng dân tộc, hun đúc nên truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết và các truyền thống quý báu khác của dân tộc Việt Nam. Trong quá trình đấu tranh chống thiên tai và chống giặc ngoại xâm, mỗi cá nhân luôn hòa quyền với cộng đồng dân tộc, tìm thấy lợi ích của mình trong lợi ích chung của cả cộng đồng. Đặc biệt, trước thực tế Tổ quốc thường xuyên phải đối

mặt với các thế lực xâm lược, dân tộc ta sớm hình thành ý thức về độc lập, chủ quyền dân tộc, xem quyền lợi của dân tộc là tiền đề để thực hiện quyền lợi của mỗi cá nhân, từ đó đặt quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy. Cũng vì vậy mà quyền con người gắn với quyền độc lập dân tộc đã trở thành một quan điểm nhất quán trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, mà biểu hiện rõ ràng nhất là ở ba bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta.

Ngay từ thế kỷ XI (năm 1077) tư tưởng chính trị căn bản trên nguyên tắc giữ vững nền độc lập và chủ quyền của đất nước đã được thể hiện một cách sâu sắc qua bài thơ thần bất hủ mà người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt đã sử dụng một cách sáng tạo trong cuộc chiến đấu ác liệt chống quân Tống trên phòng tuyến sông Như Nguyệt:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư
(Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời)⁽¹⁾*

Tư tưởng chủ đạo của bài thơ là khẳng định quyền tự chủ của dân tộc và quyết tâm giữ vững nền tự chủ ấy. Bài thơ có giá trị như một bản Tuyên ngôn độc lập, đã đem lại niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cuộc chiến tranh chống xâm lược, vào tiền đồ phát triển lâu dài của đất nước. Trải qua hơn một ngàn năm Bắc thuộc, hơn ai hết người Việt Nam ta thấm thía rằng chừng nào

^(*) TS., Giảng viên Khoa Lý luận Mác - Lênin, Trường Cán bộ TP Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ Xem: Đại cương lịch sử Việt Nam, Toàn tập, Nxb. Giáo dục, 2001, tr. 160.

dân tộc còn bị kẻ thù ngoại bang xâm lược, thôn tính thì chừng đó các quyền và phẩm giá của mỗi cá nhân cũng bị chà đạp, dập vùi. Tư tưởng độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia mà Lý Thường Kiệt nêu cao trong bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên này đã thể hiện được khát vọng chung của cả dân tộc là vươn tới khẳng định mình với tư cách là một dân tộc độc lập, một quốc gia có chủ quyền với lòng tự tin, tự hào chính đáng. Vì vậy, bài thơ đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, trở thành tài sản tinh thần vô giá mang sức mạnh vật chất, có sức lôi cuốn, cổ vũ và nuôi dưỡng các thế hệ người Việt Nam kế tiếp nhau dù có phải hy sinh tất cả tài sản, tính mạng, xương máu vẫn không đánh mất mình với tư cách là một dân tộc độc lập, không chấp nhận, cam chịu sự nô dịch, thôn tính của các dân tộc khác.

Đến thế kỷ XV, sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh kéo dài 10 năm (1418-1428) kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi – người anh hùng dân tộc, người cùng Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa) đã viết Bình Ngô đại cáo – bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai trong lịch sử dân tộc Việt Nam để nêu cao tinh thần độc lập tự chủ của dân tộc ta và khẳng định danh thếp quyền được sống, được tồn tại trong thái bình, thịnh vượng của người dân nước Việt. Một lần nữa quan điểm quyền con người gắn với quyền dân tộc lại được khẳng định. Trong Bình Ngô đại cáo Nguyễn Trãi là người đầu tiên đưa ra nhận thức sâu sắc về khái niệm “nước” – quốc gia, Tổ quốc, dân tộc – với những yếu tố chính của các phạm trù này coi như một cộng đồng người hình thành trong lịch sử trên cơ sở có sự thống nhất về lãnh thổ, kinh tế, chính trị, văn hóa rất gắn với quan niệm của chúng ta ngày nay:

*Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có⁽²⁾.*

Đó cũng là niềm tự hào dân tộc được khẳng định rõ ràng nhất, phát triển đến mức cao nhất, hơn bất cứ lúc nào trước đó, đã được Nguyễn Trãi thể hiện trong áng “Thiên cổ hùng văn” – Bình Ngô đại cáo – bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV. Từ nhận thức sâu sắc về quốc gia dân tộc, Nguyễn Trãi nêu cao tinh thần tự chủ, bảo vệ chủ quyền của quốc gia dân tộc; đồng thời kiên quyết chống chiến tranh nô dịch và áp bức dân tộc, thể hiện lòng yêu chuộng hòa bình và tình hữu nghị với các nước khác.

Trong Bình Ngô đại cáo Nguyễn Trãi đã kịch liệt tố cáo những tội ác tày trời của quân xâm lược nhà Minh đối với nhân dân ta:

*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ*

...

*Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi*

*Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần nhân chịu được⁽³⁾.*

Nền đô hộ của nhà Minh không những kìm hãm sự phát triển của đất nước mà còn đe dọa nghiêm trọng vận mạng của cả dân tộc và mọi phẩm giá của con người Việt Nam. Đất nước đứng trước một thử thách hiểm nghèo. Nhưng nhân dân ta đã đã quyết tâm vượt qua thử thách đó bằng ý chí quật cường của một dân tộc yêu độc lập, tự do. Cuộc chiến tranh kết thúc bằng chiến thắng hào hùng của dân tộc ta và cuộc đầu hàng rút lui nhục nhã của quân thù. Dân tộc Việt Nam được giải phóng, con người Việt Nam được an hưởng thái bình.

Đồng thời với việc khẳng định quyền được sống trong thái bình, thịnh vượng của con người Việt Nam và quyền độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam, Bình Ngô đại cáo cũng thể hiện thái độ nhân đạo của dân tộc ta đối với quyền của những người khác, của các dân tộc khác khi nêu cao tinh thần nhân nghĩa, khoan dung, độ lượng ngay cả đối với kẻ thù, khi quân giặc đã ra hàng thì “tội lớn tội nhỏ đều tha hết”; “mở lượng hiếu

⁽²⁾ *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam. Tập 1.*
Nxb. Giáo dục, 2006, tr.358.

⁽³⁾ *Sđđ.*, tr.359.

sinh”; “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”...

Tiếp nối truyền thống hào hùng của ông cha, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 02/09/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam trình trọng tuyên bố với thế giới bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ ba trong lịch sử dân tộc Việt Nam – Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 đã đánh dấu một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Bản Tuyên ngôn độc lập đã kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới những tư tưởng nhân quyền của ông cha ta và của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng nhân quyền của cuộc cách mạng tư sản Mỹ và cách mạng tư sản Pháp, đồng thời là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quyền tự quyết dân tộc.

Mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn một câu trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và một câu trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 của cách mạng Pháp nói về quyền con người của mỗi cá nhân. Người khẳng định: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”⁽⁴⁾. Thông qua đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn khẳng định rằng: nhân dân Việt Nam hoàn toàn tán đồng và có chung quan điểm với nhân loại về quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người, và lẽ dĩ nhiên, nhân dân Việt Nam cũng có những quyền đó tương tự như nhân dân Mỹ và nhân dân Pháp. Nhưng không dừng lại ở đó, từ quyền cá nhân của mỗi con người, mỗi công dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở rộng và nâng cao lên thành quyền dân tộc, Người long trọng tuyên bố: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽⁵⁾. Cách suy luận biện chứng của Người cho thấy nếu như quyền của mỗi con người là lẽ tự nhiên thì quyền của mỗi dân tộc cũng là lẽ tự nhiên. Từ đó Người tố

cáo, kết tội các thế lực đế quốc xâm lược, áp bức dân tộc Việt Nam là trái với lẽ tự nhiên, là vi phạm trắng trợn quyền con người mà cách mạng tư sản Mỹ và cách mạng tư sản Pháp đã công nhận.

Gắn các quyền cơ bản của con người với quyền dân tộc độc lập là một quan điểm đúng đắn, sáng tạo và là một cống hiến lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sự phát triển tư tưởng lý luận về quyền con người.

Dựa trên cơ sở pháp lý về “quyền tự nhiên” của con người, bản Tuyên ngôn độc lập đã đi đến khẳng định quyền đấu tranh chống áp bức của các dân tộc thuộc địa. Tuyên ngôn có đoạn viết: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”⁽⁶⁾.

Việc nâng tầm quyền con người thành quyền dân tộc không chỉ có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa đối với nhiều dân tộc bị áp bức, nô dịch khác trên thế giới. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, áp bức, nô dịch các dân tộc thuộc địa, trong đó có Việt Nam. Mặc dù Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp đều khẳng định “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng” nhưng thực chất đó vẫn chỉ là quyền của một số ít dân tộc được gọi là “văn minh”, là “mẫu quốc”. Lịch sử đã cho thấy, không một quốc gia tư bản chủ nghĩa nào chấp nhận chia sẻ giá trị nhân quyền cho các dân tộc thuộc địa. Quyền con người của nhân dân các dân tộc thuộc địa không phải do bọn thực dân tôn trọng “tính phổ quát” hoặc “quyền tự nhiên” của con người mà có. Bọn thực dân đã ngang nhiên chà đạp lên quyền con người của các dân tộc thuộc địa với những tội ác tày trời. “Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”⁽⁷⁾. Vì vậy, trên hành trình đi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra được kết luận là: muốn giành được quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, nhân dân các

⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh, Toàn tập, T.4, tr. NXB. CTQG, Hà Nội, 1995, tr.1

⁽⁵⁾ Sđd, tr. 1

⁽⁶⁾ Sđd, tr.3

⁽⁷⁾ Sđd, tr.1

nước thuộc địa trước hết phải đánh đổ thực dân, giành độc lập dân tộc, khẳng định chủ quyền quốc gia bằng cách tự mình đứng lên làm cách mạng dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chỉ khi giành được độc lập dân tộc thì quyền dân tộc tự quyết và bình đẳng mới được thực hiện, mỗi dân tộc và mỗi con người mới được hưởng tự do và những quyền cơ bản của con người. Vì vậy, đấu tranh giành độc lập dân tộc là cơ sở và điều kiện tiên quyết bảo đảm quyền con người cho nhân dân, cho từng cá nhân. Chính vì lẽ đó, Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được công bố đã làm nức lòng nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới, nó báo hiệu một thời đại mới - thời đại giải phóng các dân tộc và nhân dân các nước thuộc địa khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn cầu.

Nếu Tuyên ngôn độc lập của cách mạng tư sản Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng tư sản Pháp chỉ khẳng định quyền con người như một sản phẩm tự nhiên mang tính tiền định thì Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã khẳng định để đi tới các quyền con người thì trước hết phải giành cho được quyền độc lập dân tộc. Hay nói cách khác, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện các quyền của mỗi con người trong cộng đồng dân tộc. Tư tưởng đó có cội rễ từ truyền thống vốn có của dân tộc ta - truyền thống gắn lợi ích của cá nhân với lợi ích của cộng đồng, đặt lợi ích của dân tộc lên trên sự tồn tại của mỗi cá nhân con người.

Như vậy, từ các bản Tuyên ngôn độc lập của ông cha trong lịch sử đến bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, quan điểm gắn quyền con người với quyền độc lập dân tộc được khẳng định một cách nhất quán, rõ ràng, đanh thép. Quan điểm đó là sự thể hiện ý chí, khát vọng cháy bỏng được sống, được tồn tại trong độc lập tự do của các thế hệ con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Dẫu cho khoảng cách về thời gian có thể cách xa hàng thế kỷ nhưng tư tưởng, quan điểm về quyền dân tộc độc lập, quyền tự quyết, tự chủ thiêng liêng của dân tộc Việt Nam với tư cách là một quốc gia dân tộc độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, về các quyền con người của con người

Việt Nam với tư cách con người theo đúng nghĩa của nó đều được các bản Tuyên ngôn ấy khẳng định một cách kiên quyết, rõ ràng.

Kế thừa truyền thống của ông cha, tiếp thu tư tưởng nhân quyền tiến bộ của nhân loại, thẩm thấu quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, Đảng ta hiện nay xác định một trong những quan điểm chỉ đạo xuyên suốt cho việc xây dựng chính sách bảo vệ và thực hiện quyền con người ở Việt Nam là bảo vệ và thực hiện quyền con người không thể tách rời bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Thực tiễn lịch sử nhân loại cũng cho thấy một dân tộc không có chủ quyền thì ở đó không thể có quyền con người tự do, dân chủ, bình đẳng, hạnh phúc. Từ thực tiễn lịch sử xã hội loài người và lịch sử dựng nước và giữ nước, chúng ta càng thấm thía sâu sắc chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Mỗi cá nhân không thể có quyền tự do, không thể được bảo đảm các quyền cơ bản nếu như phải sống trong một đất nước chưa giành được nền độc lập hay trong một nền văn hóa dân tộc có nguy cơ bị san phẳng bởi quá trình toàn cầu hóa. Nền độc lập đó phải được thực hiện một cách triệt để mà theo đó, nước Việt Nam là của người Việt Nam, mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia Việt Nam phải do người Việt Nam tự giải quyết. Với tư cách là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và là thành viên tích cực của Liên hợp quốc, Việt Nam đã, đang và sẽ cùng các nước trên thế giới phấn đấu vì một thế giới hòa bình, an ninh, hiểu biết lẫn nhau và tôn trọng các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền, kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” v.v., hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Hơn bao giờ hết, trong thời đại ngày nay, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội về mọi mặt vẫn là điều kiện, là cơ sở cho việc bảo đảm quyền con người; đồng thời, việc bảo vệ quyền con người của tất cả các dân tộc trên thế giới đều phải gắn kết với những mục tiêu chung của nhân loại: hòa bình và an ninh quốc tế, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.